TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**
Số: **156**/2023/QĐST-DS Ngày 22/8/2023 V/v: *"Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án"*	

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

"Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án"

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga.**

Thư ký phiên họp: Bà **Lê Thị Dự**– Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên họp: Bà **Đoàn Thị Xuân Lành**– Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 46/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc *"Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 07/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2023 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng.

Trụ sở: 674 đường N, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Người đại diện: Ông **Trần Văn L**, chức vụ: Chấp hành viên (có mặt)

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Phan Xuân I**, sinh năm: 1954.(xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 09 đường P, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng;

Hiện đang chấp hành án tại Trại Giam An Điềm thuộc: Đội 27, phân trại số 1, Trại Giam An Điềm, xã Đại Hưng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

2/ Bà **Trần Thị Tố N** sinh năm: 1954(xin vắng mặt)

Địa chỉ: 09 đường P, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

- ***Người chứng kiến:*** Bà **Phan Trần Tố H,** sinh năm: 1979 (có mặt)

Địa chỉ: 215 đường H, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng do ông Trần Văn L trình bày: Theo đơn yêu cầu đề ngày 14/02/2023 của Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng đã yêu cầu với nội dung:

Bản án số 20/2020/HS-ST ngày 13/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Bản án số 158/2020/HS-PT ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã tuyên: Buộc ông Phan Xuân I ; địa chỉ: số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng phải liên đới bồi thường thiệt hại cho UBND thành phố Đà Nẵng để sung công quỹ nhà nước.

Tổng cộng số tiền ông Phan Xuân I phải bồi thường là 159.839.401.414đ.

Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ủy thác đến Cục thi hành án DS thành phố Đà Nẵng (Quyết định ủy thác số 313/QĐ-CTHDS ngày 13/8/2020). Để tiếp tục thi hành Bản án, Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định thi hành án số 12/2021/HS/QĐ-CTHADS ngày 07/10/2020 để thi hành nội dung trên.

Qua công tác xác minh tài sản thi hành án, thì vợ chồng ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N có các tài sản sau:

-Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 5-B1, tờ bản đồ số 00 tại địa chỉ: số 09 đường P, KDC An Hòa, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 376347 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/11/2013 cho ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N.

- 01 xe ô tô con nhãn hiệu HONDA; số loại CR-V2.4L; màu sơn Đỏ; Số máy K24Z99101421; Số khung RLHRM3850GY720505 biển kiểm soát 43A-227.44 theo Giấy chứng nhận đăng ký số 028312 cấp ngày 06/10/2016 đứng tên ông Phan Xuân I.

Thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014; Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đã có Thông báo số 1401/TB-THADS ngày 16/7/2021 cho vợ chồng ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N về việc thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án phân chia phần quyền sở hữu của vợ chồng ông Phan Xuân I đối với 02 tài sản nêu trên. Đến ngày 11/11/2021, vợ chồng ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N có văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng, theo đó ông Phan Xuân I đã thống nhất sở hữu 30%, bà Trần Thị Tố N sở hữu 70% giá trị Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 5-B1, tờ bản đồ số 00 tại địa chỉ: số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng; còn đối với xe ô tô con nhãn hiệu HONDA; số loại CR-V2.4L; màu sơn Đỏ; Số máy K24Z99101421; Số khung RLHRM3850GY720505 biển kiểm soát 43A-227.44 thì mỗi người sở hữu 50% giá trị.

Xét thấy việc thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N như trên chưa đảm bảo cơ sở pháp lý để Cục thi hành án DS thành phố Đà Nẵng xử lý tài sản và thi hành án. Vì vậy, Cục thi hành án DS thành phố Đà Nẵng tiếp tục có Thông báo số 325/TB-THADS ngày 15/3/2022 về việc thông báo cho vợ chồng ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N yêu cầu xác định, phân chia tài sản chung để thi hành án; hết thời hạn (30 ngày) theo yêu cầu của Thông báo nhưng vợ chồng

ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N đã không yêu cầu Tòa án có thẩm quyền để xác định, phân chia tài sản chung. Để đảm bảo các thủ tục theo quy định. Chấp hành viên Cục thi hành án DS thành phố Đà Nẵng đã có biên bản làm việc với ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N (Biên bản lập ngày 26/5/2022 và ngày 17/6/2022), cả hai người đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản.

Sau đó, Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng có Thông báo số 1217/TB CTHADS ngày 30/6/2022 thông báo cho UBND thành phố Đà Nẵng về quyền yêu cầu Tòa án cấp có thẩm quyền để xác định, phân chia tài sản chung của vợ chồng ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N để thi hành án, đến nay đã hết thời hạn nhưng do UBND thành phố không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do vậy, chấp hành viên được phân công trong vụ việc là ông Trần Văn L đại diện cho Cục thi hành án DS thành phố Đà Nẵng đã gửi đơn yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau: Căn cứ Khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014. Cục thi hành án DS thành phố Đà Nẵng yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung giữa vợ chồng ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N để Cơ quan Thi hành án có cơ sở xử lý việc thi hành án theo quy định của pháp luật, gồm các tài sản sau:

+Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 5-B1, tờ bản đồ số 00 tại địa chỉ: số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 376347 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/11/2013 đứng tên ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N.

+01 xe ô tô con nhãn hiệu HONDA; số loại CR-V2.4L; màu sơn Đỏ; Số máy K24Z99101421; Số khung RLHRM3850GY720505 biển kiểm soát 43A-227.44 theo Giấy chứng nhận đăng ký số 028312 cấp ngày 06/10/2016 đứng tên ông Phan Xuân I.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2023, ông Phan Xuân I đã trình bày:

Vợ chồng ông kết hôn vào khoảng năm 1977 ông không nhớ rõ, có đăng ký kết hôn nhưng đăng ký tại đâu thì ông I không nhớ rõ. Đối với tài sản gồm nhà đất tại thửa đất số 5-B1, tờ bản đồ số 00 tại địa chỉ số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K , quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng và xe ô tô con nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 43A-227.44 ông Phan Xuân I xác nhận là tài sản chung của vợ chồng ông là Phan Xuân I và Trần Thị Tố N tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Về tỷ lệ đóng góp khi tạo lập 02 tài sản trên thì ông vẫn giữ nguyên như nội dung ông và bà N đã thống nhất thỏa thuận tại Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng lập ngày 11/11/2021 có trong hồ sơ vụ việc. Cụ thể: Về nhà đất tại số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng ông I đóng góp 30%; vợ ông là bà Trần Thị Tố N đóng góp 70%. Về xe ôtô con biển kiểm soát 43A-227.44, ông I đóng góp 50%; bà Trần Thị Tố N đóng góp 50%. Lý do ông I cho rằng vợ ông là bà N đóng góp đối với tài sản là nhà đất tại số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng chiếm tỷ lệ 70% trong đó phần của ông chỉ có 30% trong tổng giá trị tài sản này là do tại thời điểm mua đất làm nhà, khi xây dựng nhà mẹ vợ ông (mẹ của bà Trần Thị Tố N) đã cho vợ chồng ông một số tiền để mua đất và xây dựng nhà, số tiền

cụ thể bao nhiêu ông I không nhớ rõ. Ông I xác định mẹ vợ ông đã chết và ông cũng không nhớ rõ được họ tên của mẹ vợ ông. Đối với tài liệu chứng cứ, chứng minh về nội dung này thì ông I không cung cấp được nhưng ông xác nhận chứng cứ do vợ ông là bà N cất giữ, và do sức khỏe và tinh thần của vợ ông là bà N hiện nay không ổn định nên ông chưa tìm được chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Hiện nay do ông I đang chấp hành án tại trại giam An Điềm nếu trường hợp Ban quản lý Trại giam đồng ý cho ông được tham gia khi có triệu tập của Tòa án thì ông sẽ tham gia; trường hợp Trại giam An Điềm không đồng ý trích xuất cho ông ra trại để tham gia theo triệu tập của Tòa án thì ông I đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Tại văn bản trình bày 16/6/2023, bà Trần Thị Tố N trình bày:

Bà N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ việc Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng có yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án đối với tài sản chung của vợ chồng bà là ông Phan Xuân I và bà là Trần Thị Tố N liên quan đến tài sản chung của vợ chồng bà là nhà đất tại thửa đất số 5-B1, tờ bản đồ số 00 tại địa chỉ số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng và xe ô tô con nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 43A-227.44.

Đối với yêu cầu giải quyết của Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng thì bà N có ý kiến:

-Bà N xác nhận nhà đất tại thửa đất số 5-B1, tờ bản đồ số 00 tại địa chỉ số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng và xe ô tô con nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 43A-227.44 là tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu chung của vợ chồng bà và ông Phan Xuân I.

-Đối với các nội dung mà Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng yêu cầu thì bà N đề nghị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết.

Nay do bà N hay bị đau ốm nên không thể có mặt theo triệu tập của Tòa án được.

Vì vậy bà N làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ tiến hành giải quyết vắng mặt bà trong tất cả các lần triệu tập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn yêu cầu đề ngày 14/02/2023 của Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng đã yêu cầu với nội dung:

-Đề nghị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung giữa vợ chồng ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N để thi hành án đối với Bản án số 158/2020/HS-PT ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội (xét xử sơ thẩm tại Bản án số 20/2020/HS-ST ngày 13/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

-Tài sản được đề nghị là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 5-B1, tờ bản đồ số 00 tại địa chỉ: số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 376347 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/11/2013 cho ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N và 01 xe ô tô con nhãn hiệu HONDA; số loại CR-V2.4L; màu sơn Đỏ; Số máy K24Z99101421; Số khung RLHRM3850GY720505 biển kiểm soát 43A-227.44 theo Giấy chứng nhận đăng ký số 028312 cấp ngày 06/10/2016 đứng tên ông Phan Xuân I.

[1.2] Căn cứ theo nội dung đơn yêu cầu và tài liệu chứng cứ của Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng; Căn cứ quy định tại Khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì yêu cầu nêu trên của Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng; là nơi có bất động sản được yêu cầu, cũng là nơi bị đơn cư trú theo quy định tại Khoản 9 Điều 27; Điều 35; Điểm d Khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên họp, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N do ông I đang chấp hành án tại trại giam An Điềm và đồng ý Tòa án giải quyết vắng mặt ông nếu ông không được phép của trại giam cho tham gia phiên họp; bà Trần Thị Tố N có đơn xin giải quyết vắng mặt vì lý do bị bệnh không đến Tòa án được, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt ông I, bà N là phù hợp. Tuy nhiên để đảm bảo tính khách quan của việc giải quyết vụ việc, Tòa án có mời bà Phan Trần Tố H là con gái đầu của ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N có mặt tham gia chứng kiến toàn bộ phiên họp xét việc dân sự nêu trên.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ việc, Tòa án đã có buổi làm việc với ông Phan Xuân I tại Trại giam An Điềm theo nội dung Biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2023. Tại Biên bản lấy lời khai này, ông Phan Xuân I có trình bày nội dung là hiện nay sức khỏe của vợ ông là bà Trần Thị Tố N có tinh thần không ổn định.

Do vậy, ngày 14 tháng 7 năm 2023 Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã có Thông báo số 29/TB-TA gửi cho ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N, các con ông I và bà N gồm bà Phan Trần Tố H, bà Phan Trần Tố L, ông Phan Huy H với nội dung: Yêu cầu trình bày ý kiến và giao nộp các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến tình hình sức khỏe hiện nay của bà Trần Thị Tố N. Trong trường hợp nếu tinh thần của bà N không ổn định và thuộc trường hợp được quy định tại các Điều 22,23 Bộ luật dân sự cần phải có người đại diện hợp pháp của bà N (người giám hộ) khi tham gia tố tụng tại Tòa án thì đề nghị cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến tình trạng sức khỏe của bà N, đồng thời liên hệ với Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ để tiến hành các thủ tục liên quan theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Bộ luật dân sự nhưng đã hết thời hạn được nêu tại các Thông báo trên thì người được yêu cầu vẫn không thực hiện. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ tiếp tục giải quyết vụ việc đã thụ lý theo quy định là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào nội dung đơn yêu cầu nói trên và tài liệu chứng cứ gửi kèm của Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng thì thấy:

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 158/2020/HS-PT ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có tuyên buộc ông Phan Xuân I phải bồi thường thiệt hại cho UBND thành phố Đà Nẵng để sung quỹ Nhà nước số tiền 159.839.401.414đ; ngoài ra ông I còn phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ; án phí dân sự sơ thẩm 267.839.401đ và án phí hình sự phúc thẩm 200.000đ.

Quá trình thực hiện việc thi hành bản án nói trên, giữa ông Phan Xuân I và vợ là bà Trần Thị Tố N đã có Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng lập ngày 11/11/2021 với nội dung thỏa thuận liên quan đến nhà đất tại số 09 đường P, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng và xe ôtô con biển kiểm soát 43A-227.44 như sau:

-Đối với xe ôtô con biển kiểm soát 43A-227.44, ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N thỏa thuận mỗi người được quyền sở hữu 50% giá trị xe.

-Đối với nhà và đất tại thửa đất số 5-B1, tờ bản đồ số 00 tại địa chỉ số 09 đường P , KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng thì ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N thỏa thuận bà N được quyền sở hữu 70%; ông I được quyền sở hữu 30% giá trị nhà và đất.

[2.2] Quá trình giải quyết, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N không đến Tòa án (do ông I đang chấp hành án tại Trại giam An Điềm và bà N có đơn trình bày và xin giải quyết vắng mặt tại Tòa án). Tòa án cũng đã tiến hành thủ tục lấy lời khai của ông Phan Xuân I tại Trại giam An Điềm.

Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã có các thông báo gửi cho ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N trong đó có nội dung yêu cầu ông I, bà N trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng; đồng thời cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh về công sức đóng góp (chứng minh về tỷ lệ đóng góp) của ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N trong việc tạo lập khối tài sản chung của vợ chồng là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 5-B1, tờ bản đồ số 00 tại địa chỉ: số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 376347 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/11/2013 cho ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N) và 01 xe ô tô con nhãn hiệu HONDA; số loại CR-V2.4L; biển kiểm soát 43A-227.44 (theo Giấy chứng nhận đăng ký số 028312 cấp ngày 06/10/2016 cho ông Phan Xuân I).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2023 của Tòa án đối với ông Phan Xuân I và Đơn trình bày ngày 16/6/2023 của bà Trần Thị Tố N thì cả ông I và bà N đều xác nhận 02 tài sản gồm xe ô tô và nhà đất nêu trên được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của ông bà và là tài sản chung của ông bà. Tuy nhiên, ông Phan Xuân I vẫn cho rằng tỷ lệ đóng góp công sức đối với việc tạo lập nhà đất tại số 09 đường P, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng của vợ ông là bà Trần Thị Tố N nhiều hơn nên ông vẫn giữ nguyên tỷ lệ tài sản của ông và bà N được hưởng như nội dung Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng lập ngày 11/11/2021 (là bà N được quyền sở hữu 70%; ông I được quyền sở hữu 30% giá trị nhà và đất). Và theo ông I, lý do ông cho rằng bà N

được quyền sở hữu 70% là do tại thời điểm mua đất, xây nhà thì mẹ vợ ông (mẹ của bà Trần Thị Tố N) đã cho vợ chồng ông một ít tiền để xây nhà (nhưng ông I xác định mẹ vợ ông đã chết, ông không nhớ rõ họ tên mẹ vợ ông và ông I cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc cho tiền của mẹ vợ ông cho Tòa án).

[2.3] Ngoài việc thông báo cho đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan trong vụ việc thì Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ cũng đã tiến hành thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ và thủ tục thẩm định giá theo giá thị trường tài sản là đối tượng được yêu cầu là đất, tài sản trên đất tại số 09 đường P, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng và xe ôtô con biển kiểm soát 43A-227.44 thuộc sở hữu, sử dụng chung của ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N theo quy định. Căn cứ vào kết quả thẩm định giá theo giá thị trường theo Chứng thư thẩm định giá số 5230201/CT-BTCVALUATION ngày 04/7/2023 của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính BTC Miền Trung đã xác định giá trị 02 tài sản được yêu cầu nêu trên, cụ thể: Giá trị quyền sử dụng đất; nhà ở; nhà xe; sân vườn hàng rào cổng ngõ và cây trồng trên đất tọa lạc tại số 09 đường P, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng là **27.590.142.292đ;** Giá trị xe ô tô con nhãn hiệu HONDA; số loại CR-V2.4L; biển kiểm soát 43A-227.44 là **505.137.826đ**.

[2.4] Căn cứ vào đơn yêu cầu đề ngày 14/02/2023 của Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng đã được tóm tắt nội dung như trên. Có cơ sở xác định: Ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N kết hôn vào năm 1978 (BL số 298). Xe ô tô con nhãn hiệu HONDA; số loại CR-V2.4L; biển kiểm soát 43A-227.44 theo Giấy chứng nhận đăng ký số 028312 cấp ngày 06/10/2016 đứng tên ông Phan Xuân I; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 5-B1, tờ bản đồ số 00 tại địa chỉ số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 376347 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/11/2013 đứng tên ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N. Như vậy, xe ô tô biển kiểm soát 43A-227.44 và nhà, quyền sử dụng đất, tài sản trên đất tại số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng là tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N (đúng như nội dung thừa nhận của ông I và bà N có trong hồ sơ vụ việc).

Tòa án cũng đã thông báo cho các đương sự có liên quan trong vụ việc là ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh về công sức đóng góp (tỷ lệ đóng góp của mỗi người) của ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N trong việc tạo lập khối tài sản chung của vợ chồng là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 5-B1, tờ bản đồ số 00 tại địa chỉ số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 376347 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/11/2013 cho ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N) và 01 xe ô tô con nhãn hiệu HONDA; số loại CR-V2.4L; biển kiểm soát 43A-227.44 (theo Giấy chứng nhận đăng ký số 028312 cấp ngày 06/10/2016 cho ông Phan Xuân I) nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ việc ông I và bà N vẫn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh phần công sức đóng góp trong khối tài sản chung của vợ chồng ông bà; cũng

như cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến việc tạo lập, nguồn gốc tài sản là nhà đất như lời khai của ông I đã trình bày.

[2.5] Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 213, 219 Bộ luật dân sự 2015; Điều 33, Điều 38, Khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình thì tài sản chung của vợ chồng ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N thì mỗi bên được quyền sở hữu 50% giá trị tài sản chung.

Mặt khác, để tránh trường hợp các bên thỏa thuận phần sở hữu của mình trong khối tài sản chung của vợ chồng không phù hợp nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ thi hành án thuộc trường hợp quy định tại Điều 42 Luật hôn nhân và gia đình. Không chấp nhận nội dung thỏa thuận của ông I và bà N về tỷ lệ sở hữu tài sản chung đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 376347 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/11/2013 cho ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N) theo nội dung đã được ông I bà N thỏa thuận tại Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng lập ngày 11/11/2021 với nội dung thỏa thuận bà N được quyền sở hữu 70%; ông I được quyền sở hữu 30% giá trị nhà và đất. Do vậy, thấy cần xác định lại phần sở hữu của ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N đối với tài sản là quyền sử dụng đất, nhà, tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng với tỷ lệ: Bà N và ông I mỗi người được quyền sở hữu 50% giá trị tài sản là quyền sử dụng đất, nhà, tài sản khác gắn liền với đất, tương ứng số tiền **13.795.071.146đ** (là giá trị được thẩm định giá tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ việc).

Đối với tài sản là xe ôtô con biển kiểm soát 43A-227.44, thì nội dung ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N đã thỏa thuận tại Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng lập ngày 11/11/2021 trong đó mỗi người được quyền sở hữu 50% giá trị xe, tương ứng số tiền **252.568.913đ** (là giá trị được thẩm định giá tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ việc). Thỏa thuận này là phù hợp quy định tại Điều 213, 219 Bộ luật dân sự 2015; Điều 33, Điều 38, Khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình nghĩ nên công nhận.

Tổng giá trị bà Trần Thị Tố N và ông Phan Xuân I được sở hữu đối với cả 02 tài sản nêu trên theo tỷ lệ mỗi người 50%, tương ứng số tiền **14.047.640.059đ** (là giá trị được thẩm định giá tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ việc).

[2.6] Đối với lệ phí yêu cầu việc dân sự: Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng không phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[2.7] Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 8.000.000đ và chi phí thẩm định giá tài sản 80.000.000đ (đã nộp, đã chi); tổng cộng số tiền là **88.000.000đ** (Tám mươi, tám triệu đồng) Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng phải chịu.

[2.8] Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đề nghị Tòa án áp dụng: Điều 213, 219 Bộ luật dân sự 2015; Điều 33, Điều 38, Điều 42; Khoản 2

Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 9 Điều 27; Điều 35; Điểm d Khoản 2 Điều 39; Điều 366; 367; 369; 370; 371 và 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận đơn yêu cầu của người yêu cầu Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N về việc*"Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án"* đối với 02 tài sản chung của ông I và bà N là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng và 01 xe ô tô con nhãn hiệu HONDA; số loại CR-V2.4L; biển kiểm soát 43A-227.44.

-Công nhận ngôi nhà, quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 376347 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/11/2013 cho ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N) và 01 xe ô tô con nhãn hiệu HONDA; số loại CR-V2.4L; màu sơn Đỏ; Số máy K24Z99101421; Số khung RLHRM3850GY720505 biển kiểm soát 43A-227.44 (theo Giấy chứng nhận đăng ký số 028312 cấp ngày 06/10/2016 đứng tên ông Phan Xuân I) là tài sản thuộc sở hữu chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông Phan Xuân I và và Trần Thị Tố N.

- Xác định phần sở hữu, sử dụng của ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N trong khối tài sản chung của vợ chồng nêu trên cụ thể như sau:

+Công nhận ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N mỗi người được quyền sở hữu, sử dụng 50% giá trị nhà, đất và tài sản trên đất tọa lạc tại số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 376347 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/11/2013 cho ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N).

+Công nhận ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N mỗi người được quyền sở hữu, sử dụng 50% giá trị xe ô tô con nhãn hiệu HONDA; số loại CR-V2.4L; màu sơn Đỏ; Số máy K24Z99101421; Số khung RLHRM3850GY720505 biển kiểm soát 43A-227.44 (theo Giấy chứng nhận đăng ký số 028312 cấp ngày 06/10/2016 đứng tên ông Phan Xuân I).

Lệ phí yêu cầu việc dân sự: Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng không phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 8.000.000đ và chi phí thẩm định giá tài sản 80.000.000đ (đã nộp, đã chi); tổng cộng số tiền là 88.000.000đ (Tám mươi tám triệu đồng) Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng phải chịu.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ như nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Điều 213, 219 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 33, Điều 38, Điều 42; Khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình

- Khoản 9 Điều 27; Điều 35; Điểm d Khoản 2 Điều 39; điều 366; 367; 369; 370; 371 và 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận đơn yêu cầu của người yêu cầu Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N về việc*"Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án"*.

I/ Công nhận quyền sử dụng đất; ngôi nhà có kết cấu nhà 03 tầng, tường xây, kiểu biệt thự sân vườn và tài sản gắn liền với đất gồm nhà xe; tường rào, cổng ngõ và cây trồng trên đất thuộc thửa đất số 5-B1, tờ bản đồ số 00 tọa lạc tại số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 376347 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/11/2013 cho ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N) có giá trị **27.590.142.292đ** và 01 xe ô tô con nhãn hiệu HONDA; số loại CR-V2.4L; màu sơn Đỏ; Số máy K24Z99101421; Số khung RLHRM3850GY720505 biển kiểm soát 43A-227.44 (theo Giấy chứng nhận đăng ký số 028312 cấp ngày 06/10/2016 đứng tên ông Phan Xuân I) có giá trị **505.137.826đ** là tài sản thuộc sở hữu chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông Phan Xuân I và và Trần Thị Tố N.

II/ Xác định phần sở hữu, sử dụng; phân chia tài sản chung của ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N trong khối tài sản chung của vợ chồng ông I bà N đối với 02 tài sản nêu trên cụ thể như sau:

1/ Công nhận ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N mỗi người được quyền sở hữu, sử dụng 50% giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 5-B1, tờ bản đồ số 00 tọa lạc tại số 09 đường P, KDC An Hòa, phường K, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 376347 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/11/2013 cho ông Phan Xuân I, bà Trần Thị Tố N). Trong đó mỗi người được hưởng giá trị được xác định tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ việc là **13.795.071.146đ** (Mười ba tỷ, bảy trăm chín mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi mốt ngàn, một trăm bốn mươi sáu đồng).

2/ Công nhận ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N mỗi người được quyền sở hữu, sử dụng 50% giá trị xe ô tô con nhãn hiệu HONDA; số loại CR-V2.4L; màu sơn Đỏ; Số máy K24Z99101421; Số khung RLHRM3850GY720505 biển kiểm soát 43A-227.44 (theo Giấy chứng nhận đăng ký số 028312 cấp ngày 06/10/2016 đứng tên ông Phan Xuân I). Trong đó mỗi người được hưởng giá trị được xác định tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ việc là **252.568.913đ** (Hai trăm năm mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi tám ngàn, chín trăm mười ba đồng).

3/ Tổng cộng giá trị bà Trần Thị Tố N và ông Phan Xuân I được hưởng đối với 02 tài sản nêu trên của mỗi người được xác định tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ việc

là: **14.047.640.059đ** (Mười bốn tỷ, không trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn, không trăm năm mươi chín đồng).

III/ Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Lệ phí yêu cầu việc dân sự Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng không phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

IV/ Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 8.000.000đ và chi phí thẩm định giá tài sản 80.000.000đ; tổng cộng số tiền là **88.000.000đ** (Tám mươi tám triệu đồng) Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng phải chịu (đã nộp, đã chi).

V/ Người yêu cầu Cục Thi hành án DS thành phố Đà Nẵng có mặt có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 22/8/2023; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Xuân I và bà Trần Thị Tố N có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ nhận được quyết định hoặc kể từ ngày niêm yết quyết định.

Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định theo quy định tại Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận* :**
- Các đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THA quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Thanh Nga